**ĐỘ TAN**

Độ tan của một chất là lượng dung môi tối thiểu cần thiết để hòa tan hoàn toàn một

đơn vị chất đó ở điều kiện chuẩn (20°C, 1atm).

Độ tan của một chất thay đổi tùy theo dung môi và điều kiện hòa tan, nhất là nhiệt độ.

Độ tan thường được biểu thị bằng số ml dung môi cần thiết để hòa tan 1g chất tan.

*Ví dụ:* Độ tan của NaCl trong nước là 1 : 2,786

 Cafein " 1 : 50 (ở 20oC)

 Cafein " 1 : 6 (ở 80oC)

 Saccarose “ 1 : 0,5

|  |  |
| --- | --- |
| Cách gọi | Lượng dung môi cần thiết để hòa tan 1g chất tan(ml) |
| Rất dễ tan | Không quá 1 ml |
| Dễ tan | 1 - 10 ml |
| Tan được | 10 - 30 ml |
| Hơi tan | 30 - 100 ml |
| Khó tan | 100 - 1000 ml |
| Rất khó tan | 1000 - 10000 ml |
| Thực tế không tan | Hơn 10000 ml |

**Hệ số tan** của một chất là lượng chất tan tối đa có thể hòa tan hoàn toàn trong 1 đơn vị dung môi trong điều kiện chuẩn (20°C, 1atm).

Hệ số tan thường được biểu thị bằng lượng chất tan (g) trong 100ml dung môi.

Hệ số tan = (1/độ tan) x 100

***Câu hỏi:***

***1. Biết hệ số tan của NaCl trong nước là 35,89 (g/100ml). Cho biết NaCl thuộc nhóm chất tan thế nào?***